

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Yến Linh;

2. Bà Mai Thị Thu Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 425/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT: Tổ 2, thôn G, xã TG, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: B, khu phố C, phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Vi Anh T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền ngày 21-11-2022; có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. **Người làm chứng:** Chị Lê Thị N1, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số Q, tổ A, khu phố B, phường A, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-11-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị N quen biết với chị Nguyễn Thị Thanh H do kinh doanh phế liệu có mua bán với nhau. Chị N cho chị H vay tiền nhiều lần, việc giao nhận tiền vay giữa các bên được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản ủy nhiệm chi từ tài khoản chuyển của Chị Lê Thị N số 050039211146, đến tài khoản của chị Nguyễn Thị Thanh H số 050004185703, thời gian giao dịch chuyển khoản và số tiền vay như sau:

- + Ngày 22-5-2022 chuyển khoản số tiền 140.000.000 đồng.
- + Ngày 24-5-2022 chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng.
- + Ngày 25-5-2022 chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng.
- + Ngày 26-5-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng.
- + Ngày 27-5-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng.
- + Ngày 28-5-2022 chuyển khoản số tiền 120.000.000 đồng.
- + Ngày 01-6-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng.
- + Ngày 09-6-2022 chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng.
- + Ngày 26-6-2022 chuyển khoản số tiền 276.000.000 đồng.
- + Ngày 27-6-2022 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng.
- + Ngày 05-7-2022 chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng.

Như vậy, Chị N đã chuyển khoản cho chị H tổng số tiền là 1.836.000.000 đồng; ngoài ra, chị H còn nợ Chị N số tiền 34.000.000 đồng nên đến ngày 16-10-2022 Chị N cùng chị Lê Thị N1 gặp chị H đối chiếu công nợ; khi đó, chị N1 viết “Giấy vay nợ tiền” có nội dung xác định chị H nợ Chị N tổng số tiền là 1.870.000.000 đồng và hẹn đến ngày 16-11-2022 trả dứt nợ; trong giấy vay nợ tiền có nội dung: “Nguyễn Thị Thanh H”, “16-6-1981”, “290775337” tại dòng thứ 4, 5, 6 tính từ trên xuống là do chị Nguyễn Thị Thanh H viết và chị H viết tiếp “người vay”, ký và ghi tên Nguyễn Thị Thanh H; lấn tay ngón trỏ cái, trỏ phải tại phần cuối của giấy vay nợ tiền.

Đến hạn trả nợ chị H không thực hiện mà cố tình lánh mặt kéo dài cho đến nay. Chị N yêu cầu chị H trả số tiền 1.870.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản của Nhà nước từ ngày 22-11-2022 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

Chị Nguyễn Thị Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại bản tường trình ngày 04-4-2023 (bút lục số 110, số 111), biên bản lấy lời khai ngày 04-4-2023 (bút lục số 113), chị Lê Thị N1 trình bày:

Chị là chị ruột của Chị Lê Thị N, chị Nguyễn Thị Thanh H là bạn hàng kinh doanh phế liệu với Chị N nên chị cũng quen biết đã lâu. Chị H có vay tiền của Chị N nhiều lần, sau đó đến ngày 16-10-2022 các bên gặp nhau đối chiếu công nợ, chị là người trực tiếp sử dụng cây viết có mực màu đen viết “Giấy vay nợ tiền”, trong đó có nội dung xác nhận chị H nợ Chị N tổng số tiền là 1.870.000.000 (một tỷ tám trăm bảy mươi triệu) đồng; sau khi viết xong giấy vay nợ tiền thì ở phần đầu của giấy này chị H ghi họ tên, ngày tháng năm sinh và số chứng minh nhân dân; phần cuối của giấy này chị H ghi “Người vay”, ký và ghi họ tên Nguyễn Thị Thanh H và lấn tay ngón trỏ trái và trỏ phải; Chị N giữ giấy nợ này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng đối với chị Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H trả cho Chị Lê Thị N số tiền 1.870.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22-11-2022 đến ngày 09-6-2023; đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền từ giao dịch dân sự vay tài sản giữa các bên. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bị đơn đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Người làm chứng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, việc vắng mặt không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị N1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn tài liệu do nguyên đơn cung cấp, bao gồm: “Giấy vay nợ tiền” (bút lục số 104), các ủy nhiệm chi của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Bình Dương Phòng giao dịch Dĩ An (từ bút lục số 115 đến bút lục số 127); Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 54/2022/QĐ-CCTLCC ngày 26-12-2022 (bút lục số 31); mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nhưng chị Nguyễn Thị Thanh H cố tình vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như đối với tài liệu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác nên Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Chị Lê Thị N và chị Nguyễn Thị Thanh H có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau là thật, quá trình thực hiện hợp đồng các bên giao nhận số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản chuyển của Chị Lê Thị N số 050039211146, mở tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Bình Dương Phòng giao dịch Lái Thiêu ngày 27-01-2014 đến người thụ hưởng: Chị Nguyễn Thị Thanh H, số căn cước công dân: 072181003967 cấp ngày 25-01-2022, số tài khoản 050004185703, mở tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Tây Ninh ngày 16-10-2007 (bút lục số 159); thời gian giao dịch chuyển khoản và số tiền giao dịch thành công được thể hiện bằng 13 ủy nhiệm chi đã được Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Bình Dương Phòng giao dịch Dĩ An xác nhận giá trị pháp lý (bút lục số 157), cụ thể như sau:

- Ngày 22-5-2022 chuyển khoản số tiền 140.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 150.000.000 đồng.

- Ngày 24-5-2022 chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 300.000.00 đồng.

- Ngày 25-5-2022 chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 450.000.000 đồng.

- Ngày 25-5-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 550.000.000 đồng.

- Ngày 26-5-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 650.000.000 đồng.

- Ngày 26-5-2022 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay.

- Ngày 27-5-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 800.000.000 đồng.

- Ngày 28-5-2022 chuyển khoản số tiền 120.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 920.000.000 đồng.

- Ngày 01-6-2022 chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 1.020.000.000 đồng.

- Ngày 09-6-2022 chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 1.220.000.000 đồng.

- Ngày 26-6-2022 chuyển khoản số tiền 276.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 1.520.000.000 đồng.

- Ngày 27-6-2022 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 1.570.000.000 đồng.

- Ngày 05-7-2022 chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng; nội dung diễn giải: Chuyển khoản chị H vay tổng 1.870.000.000 đồng.

Đến ngày 16-10-2022 các bên đối chiếu công nợ xác định số tiền chị H vay của Chị N là 1.870.000.000 đồng được thể hiện bằng “Giấy vay nợ tiền”. Xét thấy, các tài liệu trên phù hợp với nhau; phù hợp với lời trình bày của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có cơ sở xác định “Giấy vay nợ tiền” xác lập giữa Chị N và chị H ngày 16-10-2022 là chứng cứ có giá trị chứng minh tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chị H cố tình viết sai số chứng minh nhân dân trong giấy vay nợ tiền thể hiện sự thiếu trung thực nhưng điều này không làm thay đổi bản chất của sự việc chị H có vay tiền và phát sinh nợ Chị N.

[2.3] Nội dung “Giấy vay nợ tiền” thể hiện ngày 16-10-2022 các bên đối chiếu công nợ xác định chị H có vay Chị N số tiền 1.870.000.000 đồng; chị H không cung cấp được tài liệu thể hiện đã trả được khoản tiền nào cho Chị N kể từ sau ngày 16-10-2022 cho đến nay; vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét khấu trừ bất cứ khoản tiền nào vào số nợ phát sinh của chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Chị N khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền 1.870.000.000 đồng là có căn cứ và hợp pháp được chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Giấy vay nợ tiền giữa các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 16-11-2022, không có nội dung thỏa thuận về lãi suất; nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về thỏa thuận lãi suất như trình bày là 3%/tháng; do đó, phải xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi; nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 22-11-2022 với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; được tính như sau: Số tiền 1.870.000.000 đồng tính từ ngày 22-11-2022 đến ngày 09-6-2023 là 06 tháng 18 ngày, với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 102.849.999 đồng.

[3] Như vậy, chị H phải có trách nhiệm trả cho Chị N tổng cộng số tiền là 1.972.849.999 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 36.000.000 đồng + 3% X (1.972.849.999 đồng – 800.000.000 đồng) = 71.185.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với chị Nguyễn Thị Thanh H.

Chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho Chị Lê Thị N số tiền 1.972.849.999 (một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín) đồng; trong đó, bao gồm: Nợ gốc 1.870.000.000 (một tỷ tám trăm bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi là 102.849.999 (một trăm lẻ hai triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 71.185.500 (bảy mươi một triệu một trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Chị Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí 34.050.000 (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0012843 ngày 29 tháng 11 năm 2022.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thanh Tòng